

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG GIA ĐÌNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LÊ THẾ VŨNG*

Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc đã thống nhất lấy ngày 01 tháng 10 hằng năm làm ngày Quốc tế người cao tuổi. Người cao tuổi có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình và mỗi quốc gia. Nghiên cứu chủ yếu dựa trên các dữ liệu định lượng phân tích vai trò của người cao tuổi trong gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long thông qua các chỉ báo: đóng góp kinh tế, chăm sóc các thành viên, làm các công việc nhà để duy trì sự ổn định và phát triển của gia đình. Các phân tích được thực hiện dựa trên yếu tố giới, độ tuổi và địa bàn nghiên cứu để tìm hiểu sự khác biệt của người cao tuổi khi thực hiện vai trò của mình trong gia đình. Từ kết quả thu được, nghiên cứu đưa ra một số đề nghị nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi có được cuộc sống hạnh phúc với những đóng góp phù hợp cho gia đình và xã hội.

Từ khóa: gia đình, người cao tuổi, Đồng bằng sông Cửu Long

Nhận bài ngày: 08/11/2023; *đưa vào biên tập:* 08/11/2023; *phân biện:* 10/11/2023; *duyet đăng:* 15/11/2023

1. DẪN NHẬP

Trong xã hội Việt Nam, người cao tuổi (NCT) luôn giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa gia đình thông qua việc giáo dục con cháu cũng như truyền thụ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình, dòng họ, cộng đồng cho thế hệ trẻ. Theo Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (TĐTDS 2019), Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 17.273.630 người, trong đó có 2.226.984 NCT (chiếm 12,89% dân số của vùng) (Tổng cục Thống kê, 2019: 246). Tỷ lệ đô thị hóa của vùng thấp trong giai đoạn 2009 - 2019, dân số thành thị của vùng ĐBSCL chỉ tăng

0,98%/năm và dân số tăng 0,05%/năm, rất khiêm tốn so với 2,62% và 1,14% bình quân của cả nước. Phần lớn NCT sống ở nông thôn, làm nông nghiệp, và phụ thuộc vào con cháu. Trong khi đó, tỷ lệ di cư của vùng vẫn tiếp tục cao trong những năm gần đây. Nếu như năm 2009 số dân di cư thuần ra khỏi vùng ĐBSCL là 664.000 người, thì năm 2019 là 1,03 triệu người. Phần lớn người di cư trong độ tuổi lao động và có trình độ học vấn cao hơn so với người không di cư. Theo TĐTDS 2019 thì 73% số người di cư thuộc lực lượng lao động, trong đó, độ tuổi 15 - 19 chiếm 52,8%, độ tuổi 20 - 29 là 74,6%, độ tuổi 30 - 39 là 92,1% (Tổng cục Thống kê, 2019). Di dân đầy nhanh

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

tốc độ già hóa dân số và thu hẹp quy mô nhân khẩu gia đình. Năm 2019, tổng số hộ gia đình cả nước là 26,87 triệu, tăng bình quân 1,8%/năm. ĐBSCL có 4,8 triệu hộ, trong đó thành thị 1,23 triệu hộ, nông thôn 3,57 triệu hộ. Quy mô hộ cũng đã giảm từ 4 xuống 3,5 người/hộ và với xu hướng nhỏ dần (Tổng cục Thống kê, 2019).

Bối cảnh di cư ở ĐBSCL đã làm xáo trộn cuộc sống gia đình và xã hội. Phần lớn người đi di cư trong độ tuổi còn trẻ đã để lại khoảng trống về nguồn nhân lực, việc làm và chăm sóc gia đình đặc biệt là trẻ em. Chính sự xáo trộn cuộc sống gia đình như vậy làm cho NCT có một vai trò quan trọng trong việc chăm sóc gia đình nhất là chăm sóc trẻ em. Bài viết làm rõ thêm vai trò của NCT đối với gia đình và xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long.

2. KHÁI NIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm về người cao tuổi

Người cao tuổi là một khái niệm lịch sử, gây nhiều tranh cãi trên bình diện tiếp cận của các khoa học, trình độ phát triển của xã hội và các nền văn hóa. Trong cuốn Bách khoa quốc tế về xã hội học (International encyclopedia of sociology) đưa ra khái niệm về NCT các tác giả phân chia theo độ tuổi như sau: từ 65 đến 74 tuổi là NCT trẻ; từ 75 đến 84 tuổi là trung cao tuổi; từ 84 tuổi trở lên là nhóm già.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) lại phân chia các lứa tuổi của người già: từ 60

đến 74 tuổi là NCT; từ 75 đến 90 tuổi là người già; lớn hơn 90 tuổi là người già sống lâu.

Với Việt Nam, theo Điều 2 trong Luật Người cao tuổi (11/2009) quy định NCT là “Công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên” mà không có sự phân chia theo nhóm tuổi. Gần đây ở Việt Nam, khái niệm NCT được sử dụng phổ biến, tuy nhiên, về khoa học thì người già hay NCT đều được dùng với ý nghĩa như nhau. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng khái niệm theo Luật Người cao tuổi Việt Nam được Quốc hội ban hành năm 2009.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu vai trò của NCT trong đóng góp thu nhập, chăm sóc và duy trì sự ổn định gia đình, bài viết dựa vào kết quả khảo sát định lượng 420 hộ gia đình có NCT ở 3 tỉnh (Tiền Giang, Sóc Trăng và Cà Mau) năm 2022. Mẫu khảo sát được chọn tại thành phố Mỹ Tho và huyện Cái Bè (Tiền Giang); thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú (Sóc Trăng); thành phố Cà Mau và huyện Đầm Dơi (Cà Mau). Tại mỗi huyện, chúng tôi chọn ngẫu nhiên 2 phường/xã, mỗi phường xã chọn ngẫu nhiên 70 hộ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tham gia hoạt động kinh tế, đóng góp thu nhập cho hộ gia đình

Hiện nay, nhiều NCT ở Việt Nam có tham gia hoạt động kinh tế và đóng góp vào thu nhập của hộ gia đình. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, có 59,1% NCT trong số NCT được khảo sát hiện nay không làm việc,

40,9% còn lại đang làm việc. Công việc họ đang làm có 52,4% liên quan tới nông nghiệp; 41,1% phi nông nghiệp; các công việc khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Nghiên cứu của chúng tôi về NCT tại Đồng Nai trước đó cho thấy, có tới 60% NCT hiện đang tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập và 40% là không tham gia hoạt động kinh tế (Lê Thế Vững, 2021: 20). Theo Bùi Thế Cường (2000: 28) phần lớn người già Việt Nam vẫn còn tham gia lao động, có 40,9% nói rằng họ vẫn còn lao động cả ngày hoặc một phần trong ngày. Tương tự, nghiên cứu của Lê Ngọc Lan (2011: 5) cũng cho thấy tỷ lệ NCT còn tham gia hoạt động kinh tế tương đối cao: “Xét theo nhóm tuổi, tỷ lệ NCT trong nhóm từ 60 - 64 tuổi vẫn còn làm việc chiếm khoảng 60%. Ở những

nhóm tuổi cao hơn, tỷ lệ này thấp hơn...”.

Số liệu khảo sát cho thấy, phần lớn (71%) NCT không làm việc tạo ra thu nhập cho rằng họ không đủ sức khỏe để làm việc. Xét về giới tính thì các cụ bà có tỷ lệ không làm việc tạo ra thu nhập cao hơn so với các cụ ông (63,1% so với 50%). Có sự khác biệt này là do các cụ bà làm công việc nhà, nội trợ và chăm sóc gia đình nhiều hơn các cụ ông. Về độ tuổi, các cụ càng lớn tuổi thì tỷ lệ không làm việc tạo ra thu nhập càng cao như nhóm 80 tuổi trở lên có tỷ lệ không làm việc là 83,3% trong khi đó nhóm tuổi 60 - 69 tỷ lệ này chỉ 36,3%. Điều này cũng dễ hiểu vì các cụ càng lớn tuổi sức khỏe càng giảm, khó tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập (Bảng 1).

Bảng 1. Việc làm của NCT đang làm việc chia theo nhóm tuổi

Nghề chính đang làm		Nhóm tuổi			Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	
Tự làm nông nghiệp	N	62	18	8	88
	%	56,9	43,9	44,4	52,4
Tự làm phi nông nghiệp	N	40	20	9	69
	%	36,7	48,8	50,0	41,1
Lao động gia đình không trả lương	N	3	3	1	7
	%	2,8	7,3	5,6	4,2
Làm công ăn lương	N	2	0	0	2
	%	1,8	0,0	0,0	1,2
Khác	N	2	0	0	2
	%	1,8	0,0	0,0	1,2
Tổng	N	109	41	18	168
	%	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Tuy nhiên, khi được hỏi về sự đóng góp của mình vào kinh tế hộ gia đình,

có hơn một nửa NCT được khảo sát (53,6%) khẳng định mình có đóng góp

vào kinh tế hộ gia đình. Nhóm tuổi 60 - 69 có tỷ lệ NCT khẳng định đóng góp cao nhất với 67,6%; kể đến, ở độ tuổi 80 - 89 tỷ lệ này là 45,6% và độ tuổi 70 - 79 thấp hơn một chút có tỷ lệ là 41,0%. Điều đáng ngạc nhiên là có tới 40% các cụ 90 tuổi trở lên khẳng định mình có đóng góp vào kinh tế của hộ, mặc dù tỷ lệ hiện đang làm việc tạo ra thu nhập của các cụ trong độ tuổi này chỉ có 16,7%. Điều này được các cụ lý giải là do có tiền tích lũy từ trước và tiền con cái cho để chi dùng (Bảng 2).

Bảng 2. Đóng góp vào kinh tế hộ gia đình của NCT chia theo nhóm tuổi

Có đóng góp vào kinh tế gia đình		Nhóm tuổi				Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	90 trở lên	
Có	N	121	50	52	2	225
	%	67,6	41	45,6	40	53,6
Không	N	58	72	62	3	195
	%	32,4	59	54,4	60	46,4
Tổng	N	179	122	114	5	420
	%	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ không đóng góp vào kinh tế hộ gia đình có xu hướng tăng dần theo độ tuổi, ở độ tuổi 60 - 69 chỉ có 32,4% thì tới độ tuổi 70 - 79 đã tăng lên 59%, nhưng đến nhóm tuổi kế tiếp thì tỷ lệ này có giảm đi đôi chút. Đánh giá về sự phát triển kinh tế của hộ gia đình so với 3 năm trước, 40% NCT cho rằng kinh tế không thay đổi, 31% cho rằng có khá hơn và 29% cho rằng kém đi một chút.

Những phân tích ở trên cho thấy NCT ở ĐBSCL tham gia hoạt động

kinh tế và đóng góp vào thu nhập của gia đình tương đối nhiều. Điều này cho thấy, mặc dù đã đến tuổi nghỉ ngơi, nhưng nhu cầu lao động sản xuất của NCT vẫn rất cao. Họ có tâm lý không muốn trở thành gánh nặng cho con cháu, gia đình và xã hội mà vẫn muốn cống hiến cho gia đình và xã hội.

3.2. Chăm sóc các thành viên nhỏ tuổi trong gia đình

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, phần lớn NCT vẫn sống chung cùng con cháu. Đối với NCT, được phụ giúp con cháu là niềm vui, niềm an ủi trong cuộc sống và là cơ hội để truyền đạt kinh nghiệm sống, thuần phong mỹ tục, các giá trị nhân văn cho thế hệ sau. Ngoài việc tham gia vào hoạt động kinh tế tạo ra thu nhập, có thể thấy NCT còn làm các công việc phụ giúp gia đình. Hằng ngày, khi con cái đi làm, nhiều NCT trông nhà, giữ cháu, làm việc nội trợ trong nhà.

Theo khảo sát của chúng tôi, 29,5% các cụ có chăm sóc cháu, chất. Việc chăm sóc cháu, chất chủ yếu ở các cụ tuổi từ 60 - 79, với tỷ lệ 45,2%; ở nhóm tuổi 70 - 79 tỷ lệ này giảm xuống còn 24,8%; với các cụ 80 tuổi trở lên tỷ lệ này chỉ 13,6% (Bảng 3). Xét về giới tính và địa bàn khảo sát (nông thôn - thành thị), không có sự khác biệt giữa cụ ông và cụ bà trong việc chăm sóc cháu chất. Có thể thấy, ông bà là chỗ dựa tinh thần cho con cháu. Trong khi cha mẹ đi làm, thường xuyên vắng nhà, vai trò của NCT thể hiện một cách rõ rệt trong

việc chăm sóc trẻ nhỏ. Sự giúp đỡ nhiều áp lực, có thể tập trung vào này của NCT đã giúp con cháu giảm công việc của mình.

Bảng 3. Chăm sóc cháu chất nhỏ dưới 10 tuổi của NCT chia theo nhóm tuổi

Có chăm sóc cháu chất dưới 10 tuổi		Nhóm tuổi				Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	90 trở lên	
Có	N	70	29	15	0	114
	%	45,2	24,8	13,6	0,0	29,5
Không	N	85	88	95	5	273
	%	54,8	75,2	86,4	100	70,5
Tổng	N	155	117	110	5	387
	%	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Lý do chủ yếu khiến NCT trong nghiên cứu này phải chăm sóc cháu, chất là do cha mẹ các cháu đi làm xa, chiếm tỷ lệ 73,3%; lý do cha mẹ không đủ tiền nuôi con có tỷ lệ 16,4%; các lý do khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Do nhu cầu kinh tế và sự chuyển biến kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng trong hai thập kỷ gần đây, những cha mẹ trẻ thường phải đi làm ăn xa hoặc đi làm cả ngày, vì vậy thời gian dành cho con cái cũng không nhiều như trước. Thời gian cha mẹ

dành cho việc nuôi dạy con cái càng ít đi thì ông bà trở thành người chăm sóc và nuôi dạy chính. Thời gian (số tháng) mà các cụ dành để chăm sóc các cháu, chất là tương đối lớn trong một năm. Kết quả khảo sát cho thấy, thời gian các cụ chăm sóc cháu chất từ 10 - 12 tháng liền trong năm qua chiếm tỷ lệ rất cao với 78,1% và thời gian chăm sóc ít nhất từ 1 - 3 tháng trong một năm chỉ có tỷ lệ 14,0%; từ 4 - 6 tháng có tỷ lệ 4,4% và từ 7 - 9 tháng có tỷ lệ 3,5% (Bảng 4).

Bảng 4. Số tháng chăm sóc cháu chất nhỏ dưới 10 tuổi trong năm qua của NCT chia theo nhóm tuổi

Số tháng chăm sóc cháu trong 12 tháng qua		Nhóm tuổi			Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	
từ 1 - 3 tháng	N	10	2	4	16
	%	14,3	6,9	26,7	14,0
từ 4 - 6 tháng	N	3	2	0	5
	%	4,3	6,9	0,0	4,4
từ 7 - 9 tháng	N	4	0	0	4
	%	5,7	0,0	0,0	3,5
từ 10 - 12 tháng	N	53	25	11	89
	%	75,7	86,2	73,3	78,1
Tổng	N	70	29	15	114
	%	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Việc chăm sóc các thành viên nhỏ trong gia đình là tương đối vất vả, nhất là đối với các cụ lớn tuổi. Có tới 65,8% NCT cho rằng có vất vả trong việc chăm sóc cháu chắt, và 34,2% cho rằng không hề vất vả. Trong

nhóm NCT cho rằng có vất vả, có 26,3% NCT cảm nhận có vất vả một chút; tỷ lệ cho rằng tương đối vất vả là 29,8%, chỉ có 9,6% cho rằng rất vất vả (Bảng 5).

Bảng 5. Sự vất vả khi chăm sóc cháu chắt của NCT chia theo nhóm tuổi

Mức độ vất vả khi chăm sóc cháu chắt		Nhóm tuổi			Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	
Không vất vả	N	24	9	6	39
	%	34,3	31,0	40,0	34,2
Vất vả một chút	N	18	6	6	30
	%	25,7	20,7	40,0	26,3
Tương đối vất vả	N	21	10	3	34
	%	30,0	34,5	20,0	29,8
Rất vất vả	N	7	4	0	11
	%	10,0	13,8	0,0	9,6
Tổng	N	70	29	15	114
	%	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

3.3. Làm công việc trong gia đình

Ngoài việc chăm sóc các thành viên nhỏ tuổi của gia đình, NCT còn làm các công việc nhà khác (lau chùi, dọn dẹp chăm sóc nhà cửa...). Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 75% NCT có làm các công việc nhà, chỉ có 23,1% là không làm các công việc này và 1,9% các cụ còn lại thì “trông nhà”. Tỷ lệ NCT làm việc nhà giảm dần theo độ tuổi, độ tuổi càng cao tỷ lệ tham gia

làm việc nhà càng thấp. Nhóm tuổi 60 - 69 làm công việc nhà cao nhất với tỷ lệ tới 91,1%; tỷ lệ này ở nhóm 70 - 79 thấp hơn một chút là 79,5%; trong khi đó, nhóm 80 - 89 có tỷ lệ thấp nhất là 47,4% (Bảng 5). Có sự khác biệt này là do các cụ càng lớn tuổi thì sức khỏe càng giảm sút nên ít tham gia công việc nhà hơn. Xét theo giới tính và địa bàn khảo sát, không thấy có sự khác biệt về tỷ lệ NCT tham gia làm các công việc nhà.

Bảng 5. NCT làm công việc nhà chia theo nhóm tuổi

Người cao tuổi làm công việc nhà		Nhóm tuổi				Tổng
		60 - 69	70 - 79	80 - 89	90 +	
Có	N	163	97	54	1	315
	%	91,1	79,5	47,4	20,0	75,0
Không	N	14	22	57	4	97
	%	7,8	18,0	50,0	80,0	23,1
Chỉ trông nhà	N	2	3	3	0	8

	%	1,1	2,5	2,6	0,0	1,9
Tổng	N	179	122	114	5	420
	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Mặc dù NCT tham gia làm các công việc nhà tương đối cao, nhưng khi chúng tôi hỏi thêm có phải ông (bà) là người làm chính công việc nhà không thì chỉ 56,5% xác nhận điều này, có 43,5% cho biết họ chỉ là người phụ giúp. Xét theo giới tính, có sự khác biệt lớn về tỷ lệ người làm chính công việc nhà giữa các cụ bà và các cụ ông, tương ứng là 74,9% so với 31,1%. Tuy có một tỷ lệ rất cao các cụ ông khẳng định mình có tham gia làm công việc nhà nhưng họ cũng xác nhận mình chỉ là người phụ giúp, còn vai trò chính vẫn là của các cụ bà (Bảng 7). Điều đó cũng cho thấy có sự phân biệt về giới trong việc phụ trách công việc nhà ở NCT.

Bảng 7. Người làm công việc nhà chính chia theo giới tính

Người làm công việc nhà chính	Giới tính		Tổng	
	Nam	Nữ		
Có	N	41	137	178
	%	31,1	74,9	56,5
Không	N	91	46	137
	%	68,9	25,1	43,5
Tổng	N	132	183	315
	%	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát năm 2022.

Những phân tích trên cho thấy, NCT tham gia nhiều vào công việc nhà trong gia đình và có sự khác biệt về giới trong sự phân công làm các công

việc nhà. Các cụ bà có xu hướng làm các công việc liên quan đến nội trợ nhiều hơn các cụ ông như là một thực hành văn hóa phổ biến có tính truyền thống của gia đình Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Qua nhiều thế hệ, sự phát triển của gia đình và xã hội Việt Nam không thể thiếu được những đóng góp lớn lao của NCT. NCT giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì sự ổn định của gia đình thông qua các hoạt động kinh tế, chăm sóc gia đình, giáo dục cũng như truyền thụ các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ, cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, NCT ở ĐBSCL có vai trò nhất định trong việc tham gia đóng góp vào kinh tế của hộ gia đình thông qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh buôn bán, thậm chí từ khoản tiết kiệm. Họ cũng có vai trò lớn trong việc chăm sóc, dạy dỗ các cháu nhỏ cũng như các công việc nội trợ chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, những công việc này tương đối vất vả đối với NCT lớn tuổi.

NCT tại địa bàn khảo sát đã gánh một lượng lớn công việc gia đình cho các thành viên còn lại. Tuy nhiên, việc chăm sóc các thành viên nhỏ và các công việc nội trợ được các cụ bà làm nhiều hơn các cụ ông. Sự phân công công việc trong hộ gia đình với NCT vẫn mang hàm ý định kiến giới.

Để phát huy hơn nữa vai trò của NCT trong gia đình, cộng đồng và xã hội cần phải có những chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động phù hợp điều kiện sức khỏe. Đồng thời, cần có những nghiên cứu đánh giá vai trò chủ thể (gia đình,

các tổ chức xã hội,...) trong việc chăm sóc, phụng dưỡng NCT, đảm bảo NCT dù tham gia các hoạt động kinh tế, phụ giúp con cái vẫn có được cuộc sống an vui, khỏe mạnh trong tuổi già của mình. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Thế Cường. 2000. “Ba nguồn lực vật chất cơ bản của tuổi già ở đồng bằng sông Hồng”. *Tạp chí Xã hội học*, số 1.
2. Lê Ngọc Lan. 2012. “Một số yếu tố tác động tới việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của NCT trong gia đình Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Giới và Gia đình*, số 2.
3. Lê Thế Vững. 2021. “Vai trò của NCT trong gia đình nông thôn tỉnh Đồng Nai”. *Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM*, số 3.
4. Tổng cục Thống kê. 2000. Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019. Hà Nội: Nxb. Thống kê.